

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HC-ST

Ngày: 27-11-2019

*“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Hương;

Ông Nguyễn Hữu Quý.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Vũ Ngọc Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HC ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2019/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L; địa chỉ: thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ K và bà Trần Thị T: Ông Đỗ L (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019); có mặt.

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch UBND tỉnh Q T; địa chỉ: Số 45 đường H V, thành phố Đ H, tỉnh Q T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ C - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q T. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T; địa chỉ: thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Q T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn G - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H L, tỉnh Q T làm đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chủ tịch UBND huyện H L, tỉnh Q T; địa chỉ: thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Q T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn G - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H L, tỉnh Q T làm đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019). Vắng mặt.

- Ông Trần Văn Ch; bà Hoàng Thị Th; ông Trần Quang V; anh Trần Hoàng Ph; anh Trần Hoàng L; cùng địa chỉ: thôn Tr Ph, xã H L, huyện H L, Q T;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Th; ông Trần Quang V; anh Trần Hoàng Ph và anh Trần Hoàng L: Ông Trần Văn Ch; địa chỉ: thôn Tr Ph, xã H L, huyện H L, Q T (văn bản ủy quyền ngày 11/10/2019). Có mặt.

- Ông Đỗ T (Đỗ Xuân T); địa chỉ: Thôn Tân Ph, xã Hải L, huyện Hải L, Quảng T. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị B; địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận Phú 3, xã Thuận Ph, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph.

- Bà Đỗ Thị Th; địa chỉ: thôn Quyết Th, xã Hòa Đ, huyện Karông B, tỉnh Đắc L.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Đỗ Thị B và Bà Đỗ Thị Th: Ông Đỗ L; địa chỉ: thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T (văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019 và ngày 11/10/2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2019, bản trình bày ý kiến hộ gia đình ông Đỗ K và tại phiên tòa hôm nay, Ông Đỗ L là người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1993, hộ gia đình ông Đỗ K được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Năm 1994, Hợp tác xã Trường Phước đã phân chia ruộng đất cho gia đình ông Kh ở Xứ Đồng Hấp thuộc Đội 3, xã Hải L diện tích là 2.500m² cho 07 khẩu, mỗi khẩu được cấp là 350m² gồm 4 thửa. Ngày 26/4/1999, Ủy ban nhân dân huyện Hải L (UBND) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số 0814909 cho gia đình ông Kh tại tờ bản đồ số 13, gồm các thửa 174, diện tích 988m²; thửa 194, diện tích 342m²; thửa 210, diện tích 1.020m²; thửa 432, diện tích 517m² và 98m² đất mạ, 300m² đất màu; tổng diện tích là 3.256m², tại xã Hải L, huyện Hải L, tỉnh Quảng T.

Đến năm 2003, thực hiện chủ trương chung của Chính phủ dồn điền, đổi thửa gia đình ông Kh vẫn sử dụng ruộng củ không đổi ruộng cho ai. Khi thực hiện việc đo vẽ lại ruộng để cấp giấy CNQSDĐ theo từng thửa ruộng thì Ông Trần Văn Ch lợi dụng lúc gia đình ông Kh gặp hoạn nạn (lúc đó ông Ch là trưởng thôn) đã bỏ thửa đất số 217 với diện tích 200m² của gia đình ông Ch không đo rồi sang chiếm đất của gia đình ông Kh thửa 194 với diện tích là 342m²; UBND huyện Hải L đã cấp đất cho ông Ch chồng lên đất của gia đình ông Kh, diện tích đất này được cấp lại thành thửa 43, tờ bản đồ số 19, với diện tích là 532m².

Sau khi giao đất trên cho ông Ch sử dụng, năm 2004 và năm 2005 gia đình ông Kh đã nhiều lần làm đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ngày 15/9/2016, Ông Đỗ L đã làm đơn kiến nghị lên UBND huyện Hải L, đến ngày 19/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2942/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của Ông Đỗ L, giữ nguyên

Công văn số 130/UBND-KNTC ngày 07/9/2018 của UBND huyện về trả lời kiến nghị của Ông Đỗ L.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện, ngày 28/12/2018 ông Linh đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Q T. Ngày 25/02/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Q T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND, gia đình ông Linh không đồng tình phần IV kết luận giải quyết khiếu nại vì không đúng với thực tế hiện tại.

Vì vậy, Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T.

- Hủy giấy CNQSDĐ (tại tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m²) số AE 864235 ngày 04/12/2006 của UBND huyện Hải L cấp cho hộ Ông Trần Văn Ch.

Tại công văn số 3916/UBND-TN ngày 29/8/2019, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q T có ý kiến:

Nội dung khiếu nại và quá trình giải quyết: Ông Đỗ L khiếu nại văn bản số 130/UBND-KNTC ngày 07/9/2018 của UBND huyện Hải L vì cho rằng văn bản này kết luận không xem xét, trả lại diện tích đất 342m² đất trồng lúa tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 13 cho gia đình ông Linh (thửa này năm 1999 đã được UBND huyện Hải L cấp cho hộ gia đình ông Đỗ K).

Vụ việc được Chủ tịch UBND huyện Hải L giải quyết khiếu nại lần đầu số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 nhưng Ông Đỗ L không đồng ý.

Sau khi xác minh vụ việc, ngày 25/02/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Q T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, có nội dung:

Công nhận Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L về việc giải quyết khiếu nại của Ông Đỗ L ở thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T là đúng quy định của pháp luật.

Không chấp nhận việc Ông Đỗ L yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trả lại diện tích 342m² đất trồng lúa thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 13 cho gia đình ông Linh.

Cơ sở giải quyết khiếu nại: Mặc dù diện tích 342m² đất trồng lúa thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 13 đã được UBND huyện Hải L cấp giấy CNQSDĐ số O814909 ngày 26/4/1999 cho hộ ông Đỗ K nhưng đến năm 2003, khi thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa của UBND huyện Hải L, dưới sự chỉ đạo của UBND xã Hải L, Hợp tác xã Trường Phước đã xây dựng đề án Dồn ô - đổi thửa đất nông nghiệp (đề án được xây dựng tháng 11/2002) nhằm mục đích sắp xếp, cân đối, quy hoạch lại đất ruộng lúa, đất màu tạo thành ô, thửa ruộng lớn khắc phục việc giao đất manh mún trước đây gây khó khăn trong việc thâm canh và áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất nông nghiệp. Đề án đặt ra một nhân khẩu sẽ được nhận 350m² đất trồng lúa.

Kết quả sắp xếp, cân đối, chuyển đổi thì diện tích 342m² đất trồng lúa thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 13 của hộ ông Đỗ K được điều chuyển, giao lại cho các hộ còn thiếu diện tích đất trồng lúa. Ông Đỗ K đã ký nhận đất tại Sổ danh sách nhận ruộng

(sau khi sắp xếp) của Đội 3, thôn Trường Phước. Sau khi ký nhận hộ ông Đỗ K tiếp tục quản lý, sử dụng đất (không sử dụng thửa 194) và không có ý kiến gì.

Diện tích đất 342m² đất trồng lúa thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 13 sau khi tách từ hộ ông Đỗ K đã được Hợp tác xã Trường Phước điều chuyển cho hộ Ông Trần Văn Ch sử dụng (do hộ Ông Trần Văn Ch bị điều chuyển 200m² của thửa 217, tờ bản đồ số 13 nên diện tích đất trồng lúa của ông Ch bị thiếu theo đề án). Sau khi nhận các thửa đất đã được Hợp tác xã Trường Phước cân đối, điều chuyển, hộ ông Ch tiến hành quản lý và sử dụng đất từ đó cho đến nay.

Năm 2006, thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ theo dự án đa dạng hóa nông nghiệp, ông Đỗ K đã lập hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ, trong đó không có thửa 194, diện tích 324m² nêu trên. Ngày 04/12/2006, diện tích đất trồng lúa của hộ gia đình ông Đỗ K được UBND huyện Hải L cấp đổi 04 giấy CNQSDĐ, trong đó có 03 giấy mang tên ông Đỗ K, 01 giấy mang tên ông Đỗ Xuân T (con trai ông Kh) không có thửa 194. Tổng diện tích đất trồng lúa được cấp giấy CNQSDĐ là 2.559m²/07 nhân khẩu, tương đương 365,6m²/1 khẩu. Ông Đỗ L và Đỗ Xuân T đã ký nhận các giấy CNQSDĐ nói trên và không có ý kiến gì và quản lý, sử dụng cho đến nay.

Năm 2006, hộ ông Ch cũng lập hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ và được UBND huyện Hải L cấp đổi lại 04 giấy CNQSDĐ tương đương 04 thửa với tổng diện tích 2.025m² đất trồng lúa, trong đó bao gồm cả thửa 194, tờ bản đồ số 13. Ông Ch đã ký nhận GCNQSDĐ và quản lý, sử dụng cho đến nay.

Như vậy, diện tích 342m² đất trồng lúa thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 13 của ông Đỗ K đã điều chuyển cho hộ Ông Trần Văn Ch sử dụng khi thực hiện đề án Dồn ô - Đổi thửa đất nông nghiệp của Hợp tác xã Trường Phước vào năm 2002. Hộ ông Đỗ K đã thống nhất, ký nhận đất tại sổ lưu của Hợp tác xã và không có ý kiến gì. Năm 2006 ông Đỗ K làm hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ gồm 06 thửa, trong đó có 04 thửa đất lúa (không có thửa 194), sau khi được cấp giấy CNQSDĐ, hộ ông Kh ký nhận và không có ý kiến gì.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Q T xét thấy Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T là không có cơ sở. Đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 28/10/2019, ngày 12/11/2019, UBND huyện Hải L và Chủ tịch UBND huyện Hải L trình bày:

- Đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị không xem xét giải quyết việc Ông Đỗ L đề nghị trả lại cho gia đình ông thửa đất số 194, diện tích 342m², loại đất trồng lúa nước thuộc tờ bản đồ giải thửa số 13 (nay là thửa đất số 43, diện tích 532m², tờ bản đồ số 19 xã Hải L), lý do:

+ Dồn điền, đổi thửa là chủ trương lớn của huyện được thực hiện năm 2002. Sau khi có chủ trương của huyện, Đảng ủy, UBND xã Hải L đã quán triệt, triển khai thực hiện; thành lập ban chỉ đạo từ xã đến các hợp tác xã, chỉ đạo Ban quản lý hợp tác xã Trường Phước xây dựng Đề án dồn điền, đổi thửa; tổ chức họp xã viên bàn bạc, thông qua Đề án; thành lập tổ phân chia ruộng đất, triển khai đến các đội sản xuất, khu dân cư thuộc thôn Trường Phước, mọi xã viên hợp tác xã đều đồng thuận tham gia.

+ Thời điểm thực hiện Đề án dồn điền, đổi thửa vào tháng 10 năm 2003, do thực hiện trên diện rộng (trên địa bàn huyện), số lượng thửa đất chuyển đổi nhiều, nên các chủ sử dụng đất trên địa bàn huyện, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Trường Phước chưa làm hồ sơ chuyển đổi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi bổ sung năm 1998, 2001) và tại khoản 1 Điều 126 Luật đất đai năm 2003 hoặc thực hiện điều chỉnh giấy CNQSDĐ đã được cấp cho đến khi có dự án đa dạng hóa nông nghiệp đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSDĐ năm 2006.

+ Hộ ông Đỗ K đã ký công nhận kết quả thực hiện Đề án dồn điền, đổi thửa của hợp tác xã Trường Phước, đã sử dụng các thửa đất nông nghiệp sau khi thực hiện Đề án dồn điền, đổi thửa từ năm 2003 cho đến nay.

+ Năm 2006, tại xã Hải L, trên hiện trạng dồn điền, đổi thửa, đã thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp, cấp đổi giấy CNQSDĐ ở đất nông nghiệp.

+ Năm 2008, hộ ông Đỗ Xuân T (con ông Kh) và năm 2010 hộ ông Đỗ K đã ký nhận các giấy CNQSDĐ nông nghiệp do UBND huyện Hải L cấp khi thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp, cấp giấy CNQSDĐ.

+ Thời hiệu, thời hạn khiếu nại của Ông Đỗ L đã hết theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Nếu trả lại thửa đất số 194, diện tích 324m², loại đất nông nghiệp trồng lúa thuộc tờ bản đồ giải thửa số 13 (nay là thửa 43, diện tích 532m², loại đất trồng lúa nước thuộc tờ bản đồ số 19 xã Hải L) cho gia đình Ông Đỗ L thì người dân sẽ phản ứng, phá vỡ chủ trương dồn điền, đổi thửa của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn vì họ đã sản xuất ổn định từ khi dồn điền, đổi thửa năm 2003 cho đến nay.

+ Việc giải quyết khiếu nại của Ông Đỗ L của UBND huyện Hải L đã giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- UBND huyện Hải L giữ nguyên quan điểm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L đối với Ông Đỗ L ở thôn trường Phước, xã Hải L.

- **Ông Trần Văn Ch (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bà Hoàng Thị Th, ông Trần Quang V, anh Trần Hoàng Ph, anh Trần Hoàng L) trình bày:** Thực hiện chủ trương của UBND huyện Hải L về dồn điền, đổi thửa vào năm 2003, gia đình ông Ch đã chấp hành tốt chủ trương này. Trong quá trình thực hiện, gia đình ông Ch bị thu hồi 240m² đất trồng ruộng lúa của hai thửa đất để làm đường nội đồng và được bổ sung một thửa ruộng mới được thu từ hộ khác. Diện tích đất ruộng được cấp tương đương 05 nhân khẩu với diện tích 1.749m²; hộ Ông Trần Văn Ch được UBND huyện Hải L cấp lại GCNQSDĐ số AE 864235 ngày 04/12/2006 và sử dụng ổn định từ năm 2002 cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi của gia đình và chủ trương dồn điền, đổi thửa của Đảng và Nhà nước thực hiện có hiệu quả, đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị xem xét giải quyết.

- **Ông Đỗ T và Ông Đỗ L (người đại diện theo ủy quyền của Bà Đỗ Thị Th và Đỗ Thị Bé):** Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tuy nhiên do người bị kiện

vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành đối thoại được, đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình từ khi Tòa án thụ lý vụ án, giai đoạn chuẩn bị xét xử và tham gia phiên tòa theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q T về việc giải quyết khiếu nại của hộ gia đình Ông Đỗ L, trú tại thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T.

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T về việc giải quyết khiếu nại của hộ gia đình Ông Đỗ L, trú tại thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T.

Buộc Chủ tịch UBND huyện Hải L giải quyết lại khiếu nại của Ông Đỗ L theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm: Vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm lần 01 ngày 15/11/2019, do người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Q T vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 27/11/2019. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Q T có văn bản vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Hải L và Chủ tịch UBND huyện Hải L có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đỗ T (Đỗ Xuân T) vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và giấy CNQSDĐ số AE 864235 của UBND huyện Hải L cấp ngày 04/12/2006 cho hộ Ông Trần Văn Ch, đây là quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai mà người khởi kiện cho rằng đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên các quyết định hành chính này là đối tượng khởi kiện trong vụ án và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại

khoản 2 Điều 3 và khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính. Bên cạnh đó, do quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T bị khởi kiện và quyết định này công nhận nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L đối với khiếu nại của Ông Đỗ L, nên quá trình giải quyết vụ án Tòa án phải xem xét đồng thời quyết định hành chính có liên quan là quyết định giải quyết khiếu nại (lần 01) số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L đối với Ông Đỗ L.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/12/2006 UBND huyện Hải L cấp giấy CNQSDĐ số AE 864235 cho hộ Ông Trần Văn Ch, đến năm 2016 Ông Đỗ L khiếu nại về việc cấp giấy CNQSDĐ trên là đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại, tuy nhiên khi ông Linh khiếu nại về việc cấp giấy CNQSDĐ nêu trên, UBND huyện Hải L đã thụ lý, giải quyết theo trình tự giải quyết khiếu nại và ngày 19/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Hải L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 01) số 2942/QĐ-UBND nên thời hiệu giải quyết khiếu nại được tính lại tại thời điểm Chủ tịch UBND huyện Hải L giải quyết khiếu nại. Đến ngày 25/02/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Q T ban Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 371/QĐ-UBND; không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q T, ngày 06/8/2019 Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q T và giấy CNQSDĐ cấp năm 2006 cho hộ Ông Trần Văn Ch, do đó vụ việc vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung khởi kiện.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L cho rằng năm 1999, hộ ông Đỗ K được UBND huyện Hải L cấp đất trồng lúa tại xã Hải L, huyện Hải Lăng theo Nghị định 64/CP với các thửa đất tại tờ bản đồ số 13, gồm: Thửa 174 diện tích 988m²; thửa 194 diện tích 342m²; thửa 210 diện tích 1.020m²; thửa 432 diện tích 517m², 89m² đất mạ, 300m² đất màu, tổng diện tích là 3.256m² theo giấy CNQSDĐ số 0814909 ngày 26/4/1999 (trong đó đất trồng lúa là 2.867m²/07 nhân khẩu của 04 thửa). Đến năm 2002, thực hiện chủ trương của huyện Hải Lăng về việc dồn điền, đổi thửa, gia đình ông Kh vẫn sử dụng ruộng củ không có đổi đất ruộng cho ai. Khi thực hiện việc đo vẽ lại ruộng năm 2006 để cấp giấy CNQSDĐ theo từng thửa ruộng, Ông Trần Văn Ch lợi dụng lúc gia đình ông Kh gặp hoạn nạn (lúc đó ông Ch là trưởng thôn) đã bỏ thửa đất số 217 với diện tích 200m² của gia đình ông Ch không đo rồi sang chiếm đất của gia đình ông Kh thửa 194 với diện tích là 342m²; trên cơ sở đó UBND huyện Hải L đã cấp giấy CNQSDĐ số AE 864235 ngày 04/12/2006 đối với diện tích đất này cho hộ ông Ch là chồng lên đất của gia đình ông Kh đã được cấp năm 1999 (nay là tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m²). Vì vậy, ông Kh, bà Nguyễn Thị Thường và Ông Đỗ L yêu cầu Tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T và giấy CNQSDĐ (tại tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m²) số AE 864235 của UBND huyện Hải L cấp cho hộ Ông Trần Văn Ch ngày 04/12/2006, trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông Kh.

[2.2]. Xét trình tự giải quyết khiếu nại (lần 01) tại quyết định giải quyết khiếu nại số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L.

Ngày 15/9/2016, Ông Đỗ L có đơn kiến nghị đề nghị UBND huyện Hải L và các cơ quan chuyên môn của huyện Hải L xem xét trả lại cho gia đình ông thửa đất số 194, tờ bản đồ số 13 với diện tích là 342m² (nay là thửa số 43, tại tờ bản đồ số 19 mà hộ Ông Trần Văn Ch đang sử dụng với diện tích đất 532m² đất ruộng). Ngày 07/9/2018, UBND huyện Hải L ban hành công văn số 130/UBND-KNTC với nội dung không chấp nhận kiến nghị của Ông Đỗ L. Không đồng ý với việc giải quyết của UBND huyện Hải L, ngày 17/9/2018, Ông Đỗ L viết đơn khiếu nại công văn số 130/UBND-KNTC ngày 07/9/2018 của UBND huyện Hải L, đề nghị UBND huyện Hải L sớm cho gia đình nhận lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 13 với diện tích là 342m² (nay là thửa số 43, tờ bản đồ số 19, diện tích 532m², loại đất trồng lúa tại xã Hải L). Sau khi nhận được đơn khiếu nại của Ông Đỗ L, Chủ tịch UBND huyện Hải L đã ban hành Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xác minh nội dung khiếu nại của Ông Đỗ L và báo cáo kết quả xác minh với Chủ tịch UBND huyện trước ngày 25/10/2018. Theo đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hải L đã thành lập tổ xác minh và tiến hành thẩm tra, xác minh theo quy định của Luật khiếu nại. Ngày 19/11/2018, Tổ xác minh có Báo cáo số 01/BC-TXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện Hải L đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 với nội dung: Giữ nguyên nội dung Công văn số 130/UBND-KNTC ngày 07/9/2018 của UBND huyện Hải L; không xem xét giải quyết việc Ông Đỗ L đề nghị trả lại cho gia đình thửa đất số 194, tờ bản đồ số 13 với diện tích là 342m² (nay là thửa số 43, tại tờ bản đồ số 19, diện tích 532m², loại đất trồng lúa tại xã Hải L), vì: Hộ ông Đỗ K đã sử dụng đất ổn định sau khi dồn điền, đổi thửa từ năm 2003; thời hiệu khiếu nại đã hết theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 .

Xét thấy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14, khoản 1, 5 Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013, thì: Người giải quyết khiếu nại lần đầu có nghĩa vụ phải tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại nếu yêu cầu khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau; kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết khiếu nại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại khác với nội dung khiếu nại của Ông Đỗ L, nhưng Chủ tịch UBND huyện không tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại mà chỉ căn cứ Báo cáo kết quả xác minh số 01/BC-TXM ngày 19/11/2018 của tổ xác minh nội dung khiếu nại của Ông Đỗ L để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 là vi phạm về trình tự, thủ tục trong việc giải quyết khiếu nại, làm ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của người khiếu nại do chưa tổ chức đối thoại.

[2.3]. Xét trình tự giải quyết khiếu nại (lần hai) tại quyết định giải quyết khiếu nại số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T.

Do không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L, ngày 28/12/2018 Ông Đỗ L đã có đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Q T. Sau khi nhận đơn khiếu nại lần hai của Ông Đỗ L, Chủ tịch UBND tỉnh Q T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại như: Thông báo thụ lý đơn; giao Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập tổ xác minh, tổ chức đối thoại và ra Quyết định giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, khi giải quyết khiếu nại lần 02, người giải quyết khiếu nại lần 02 không phát hiện được sai sót của người giải quyết khiếu nại lần thứ nhất (do không tổ chức đối thoại) để hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất, yêu cầu người giải quyết khiếu nại lần thứ nhất thực hiện thủ tục giải quyết khiếu nại lại theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại. Ngoài ra, khi giải quyết khiếu nại lần hai, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15; Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011; điểm a mục 2, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 thì người giải quyết khiếu nại lần 02 là Chủ tịch UBND tỉnh Q T có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tổ chức đối thoại, nhưng quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Q T không trực tiếp tổ chức đối thoại mà việc đối thoại lại do Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng T làm chủ trì phiên đối thoại và Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ kết quả đối thoại này để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 là không đảm bảo đúng thành phần, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q T và Chủ tịch UBND huyện Hải L thực hiện không đúng trình tự, thủ tục và thành phần giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tự giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L để hủy quyết định giải quyết khiếu nại (lần 02) số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q T và quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) có liên quan số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải L để Chủ tịch UBND huyện Hải L thực hiện lại việc giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số AE 864235 của UBND huyện Hải L cấp cho hộ Ông Trần Văn Ch ngày 04/12/2006 tại tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m² thấy rằng: Do các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Hải L và Chủ tịch UBND tỉnh Q T đều giải quyết khiếu nại của Ông Đỗ L đối với việc UBND huyện Hải L cấp giấy CNQSDĐ số AE 864235 của cho hộ Ông Trần Văn Ch ngày 04/12/2006 tại tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m². Tuy nhiên, do quá trình giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Hải L và Chủ tịch UBND tỉnh Q T có sai sót về trình tự, thủ tục và đã bị Tòa án hủy bỏ để UBND huyện Hải L xem xét giải quyết lại khiếu nại của Ông Đỗ L, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L về việc yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số AE 864235 của UBND huyện Hải L cấp cho hộ Ông Trần Văn Ch ngày 04/12/2006 tại tờ bản đồ số 19, thửa số 43, diện tích 532m².

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ K, bà Trần Thị T, Ông Đỗ L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 14; điểm c khoản 2 Điều 15; khoản 1, 5 Điều 30; Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 02/2016/TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2013/TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ K, bà Trần Thị T, Ông Đỗ L:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 371/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q T về việc giải quyết khiếu nại của hộ gia đình Ông Đỗ L, trú tại thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 2942/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T về việc giải quyết khiếu nại của hộ gia đình Ông Đỗ L, trú tại thôn Trường P, xã H, huyện H, tỉnh Q T.

Buộc Chủ tịch UBND huyện H L, tỉnh Q T giải quyết lại khiếu nại của Ông Đỗ L theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

2. Về án phí:

- Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Đỗ K, bà Trần Thị T và ông Đỗ L số tiền tạm ứng án sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000641 ngày 12/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

Trần Việt Trung